

Bản án số: 353/2024/DS-PT

Ngày: 19 - 12 - 2024

*“V/v: Tranh chấp chia tài sản chung  
và Tranh chấp về thừa kế tài sản”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị My My.

*Các Thẩm phán:* Bà Đinh Thị Tuyết

Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thu Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 325/2024/TLPT-DS ngày 30/10/2024 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung và Tranh chấp về thừa kế tài sản”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2024/DS-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 382/2024/QĐXX - PT ngày 28/11/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện S, thành phố Hà Nội - Có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Bùi Minh Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ C, thị trấn S, huyện S, thành phố Hà Nội - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số D, đường A, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1992. Địa chỉ: P 4.41 và 4.53, tòa nhà T, đường N, phường A, quận P, thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số D, đường A, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*\* Nguyên đơn ông Nguyễn Minh K và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông Nguyễn Minh K là con của ông Nguyễn Minh K1 và bà Vũ Thị T2. Bố mẹ ông K chỉ có một con chung là ông K. Khi ông K còn nhỏ thì bố mẹ ly hôn và ông Nguyễn Minh K1 chuyển vào Đắk Lắk sinh sống.

Ông Nguyễn Minh K1 là con của ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1915, chết năm 1989 và bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1914, mất năm 1989.

Năm 1993, ông Nguyễn Minh K1 sinh sống tại khối B, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đến tháng 5 năm 1993, ông Nguyễn Minh K1 mua một thửa đất của ông Ya Đ1 - có nguồn gốc của Hợp tác xã N cho ông Ya Đ1 và sau đó ông Nguyễn Minh K1 có mua thêm 423,4 m<sup>2</sup> đất là một phần diện tích của ông Nguyễn Ngọc L. Quá trình sinh sống ông Nguyễn Minh K1 đã chuyển nhượng một phần diện tích đất sang cho người khác và xây nhà cấp 4 để ở, diện tích còn lại là 1.053,4 m<sup>2</sup>. Đến ngày 29/9/1996, ông Nguyễn Minh K1 qua đời và không để lại di chúc.

Sau đó, bà Nguyễn Thị T đã làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chiếm đoạt của ông K1 thửa đất số 38, tờ bản đồ 17, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 575209 ngày 20/6/2013.

Nay ông Nguyễn Minh K đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Minh K1 là phần tài sản trong khối tài sản chung của ông K1 và bà Nguyễn Thị T là diện tích đất 1.053,4 m<sup>2</sup> theo quy định của pháp luật. Nguyên vọng của ông K xin được nhận bằng hiện vật và chấp nhận thanh toán cho bà T giá trị tài sản trên đất (Theo Biên bản định giá tài sản) và công sức quản lý di sản theo quy định pháp.

Ông Nguyễn Minh K đồng ý khấu trừ từ di sản thừa kế cho bà T các chi phí sau: Chi phí mai táng khi ông Nguyễn Minh K1 qua đời, bà T đã thanh toán các chi phí liên quan đến việc mai táng là 01 Cây vàng 9999; Chi phí bốc mộ: Sau khi ông K1 qua đời thì được chôn cất tại nghĩa trang phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đến năm 2019 thì bà T tiến hành thuê người bốc mộ đưa về quê với chi phí hết 7.000.000 đồng.

*\* Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà T và ông Nguyễn Minh K1 chung sống với nhau từ năm 1992, sống nhờ nhà ông P và bà S (hiện vẫn còn sống tại Buôn A, phường E). Năm 1993, bà T và ông K1 cùng đi mua đất của ông Ya Đ1 ở buôn A, mua diện tích 630m<sup>2</sup>, đất trồng lúa, giá tiền 600.000 đồng. Đến năm 1997 bà mua thêm của ông Nguyễn Ngọc L diện tích hơn 400m<sup>2</sup>, số tiền 200.000 đồng (giấy tờ mua bán với ông L không có, chỉ mua bằng miệng). Đến năm 1996 ông K1 mất. Khi chung sống thì ông bà không có con chung. Hiện ông Ya Đ1 còn sống tại Buôn A, còn ông L đi đâu sống thì bà không biết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia di sản thừa kế thì bà T không đồng ý. Vì đất này là do tiền của bà ở mượn, buôn bán có được mà mua đất. Ông K1 chỉ chung sống với bà và bà là người nuôi ông K1. Bà T cho rằng ông Nguyễn Minh K1 chết không để lại di sản; tài sản nói trên là do nguồn tiền của bà T và ông K1 (chồng bà T) chỉ đứng tên thay. Khi ông K1 mất, toàn bộ chi phí đám tang do bà T chi trả, và giá trị toàn bộ khu đất tại thời điểm đó ít hơn chi phí đám tang. Tại thời điểm ông K1 mất thì ông K không có mặt để lo đám tang cho ông K1 và không đến viếng thăm mộ của ông K1. Về nguồn gốc, lô đất nói trên là bà T được nhà nước công nhận chứ không phải là được thừa kế từ ông K1. Bà T cho rằng không có căn cứ xác định ông K1 (Chồng bà T) và ông K1 (Cha của Nguyên đơn) là cùng một người.

Đối với các chi phí sau:

1. Chi phí mai táng: Khi ông Nguyễn Minh K1 qua đời, thì bà T đã thanh toán các chi phí liên quan đến việc mai táng là 01 Cây vàng 9999. Hiện tại, do thời gian trôi qua đã lâu nên bà T không còn lưu giữ các chứng từ liên quan.

2. Chi phí bốc mộ: Sau khi ông K1 qua đời thì được chôn cất tại nghĩa trang phường E Đến năm 2019 thì bà T tiến hành thuê người bốc mộ đưa về quê, với chi phí hết 7.000.000 đồng.

Bà T đề nghị Tòa án giải quyết liên quan các chi phí nói trên theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi của bà T.

Bà Nguyễn Thị T đề nghị tòa án bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và đình chỉ giải quyết vụ án.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 trình bày:*

Ông Nguyễn Văn T1 là con của bị đơn trong vụ án. Ông Nguyễn Văn T1 có ý kiến là đối với công sức quản lý, tôn tạo đất và tài sản trên đất thì tính cộng vào phần của mẹ ông Nguyễn Văn T1 (Bà Nguyễn Thị T).

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn T1 không trình bày gì thêm.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2024/DS-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:**

Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 609, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 658, 660 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP, ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết một số loại tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh K.

### **1. Về phân chia tài sản chung:**

Tài sản chung của ông Nguyễn Minh K1 và bà Nguyễn Thị T là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 17, diện tích 943 m<sup>2</sup>; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản phẩm gắn liền với đất số BN 575209 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 20/6/2013, đứng tên hộ bà Nguyễn Thị T, (diện tích đo đạc thực tế là 1.024,4m<sup>2</sup>).

Chia cho bà Nguyễn Thị T được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị quyền sử dụng đất nói trên là 6.922.000.260 đồng, tương đương diện tích đất là 512,2 m<sup>2</sup>.

Chia cho bà Nguyễn Thị T quyền quản lý, sở hữu diện tích đất là 512,2 m<sup>2</sup>.

### **2. Về phân chia di sản thừa kế:**

- Công nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Minh K1 để lại gồm:  $\frac{1}{2}$  giá trị đất thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 17, diện tích 943m<sup>2</sup> (diện tích đo đạc thực tế là 1.024,4m<sup>2</sup>), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 575209 được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 20/6/2013, đất tọa lạc tại phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Trị giá đất là 6.922.000.260đ (*Sáu tỷ, chín trăm hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi đồng*) - tương đương diện tích đất là 512,2 m<sup>2</sup>. Khấu trừ chi phí mai táng, bốc mộ là 83.900.000 đồng. Giá trị đất dùng để chia thừa kế là 6.838.100.260đ (*Sáu tỷ, tám trăm ba mươi tám triệu, một trăm nghìn, hai trăm sáu mươi đồng*).

- Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Minh K1 gồm bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh K.

- Chia cho ông Nguyễn Minh K, bà Nguyễn Thị T mỗi người được quản lý, sở hữu 256,1 m<sup>2</sup> đất.

### **Cụ thể như sau:**

**Ông Nguyễn Minh K được quyền quản lý, sở hữu:** 01 lô đất có diện tích 256,1 m<sup>2</sup> (Trong đó: 75m<sup>2</sup> đất ở đô thị, trị giá 2.007.075.000 đồng và 181,1 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, trị giá 1.453.925.130 đồng) theo Trích đo địa chính thửa đất của Công ty TNHH Đ2 ngày 19/4/2022, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp Phần đất còn lại của thửa đất số 38, tờ bản đồ số 17, cạnh dài 5,94m + 38,61 m;

Phía Tây: Giáp thửa đất số 93, 92, tờ bản đồ số 17, cạnh dài 0,33 m + 4,53m + 17,81 m + 17,38 m;

Phía Nam: Giáp đường đi, cạnh dài 2,68 m + 3,62 m;

Phía Bắc: Giáp đường hẻm, cạnh dài 6,59 m.

Trị giá thửa đất: 3.461.000.130 đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

Cây trồng trên đất: 09 cây lồng mức trồng năm 2015, trị giá 819.100 đồng; 01 cây dừa trồng năm 2020 trị giá 626.200 đồng; 01 cây đào tiên trồng năm 2015 trị giá 1.428.000 đồng.

Công trình xây dựng trên đất: Một phần hàng rào phía Tây thửa đất, dài 44,55 m, trị giá 13.209.075 đồng; Một phần hàng rào phía Bắc thửa đất, dài 6,59 m, trị giá 1.953.935 đồng; Một phần hàng rào phía Nam thửa đất, dài 3,8 m, trị giá 1.126.700 đồng; Công sắt 4,5 m<sup>2</sup>, trị giá 1.890.000 đồng; 01 Giếng đào, trị giá 27.707.625 đồng; Sân xi măng diện tích 31,5 m<sup>2</sup>, trị giá 3.291.750 đồng.

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 53.042.000 đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất mà ông Nguyễn Minh K được nhận là 3.514.042.130 đồng

**Bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý, sở hữu:** 01 lô đất có diện tích 768,3 m<sup>2</sup> (Trong đó: 225m<sup>2</sup> đất ở đô thị, trị giá 6.021.225.000 đồng và 543,3 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, trị giá 4.361.775.390 đồng) theo Trích đo địa chính thửa đất của Công ty TNHH Đ2 ngày 19/4/2022, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp thửa đất số 73, tờ bản đồ số 17, cạnh dài 6,38 m + 7,55 m + 13,9 m; giáp thửa đất số 35, tờ bản đồ số 17, cạnh dài 25,18 m;

Phía Tây: Giáp Phần đất còn lại của thửa đất số 38, tờ bản đồ số 17, cạnh dài 5,94m + 38,61 m;

Phía Nam: Giáp đường đi, cạnh dài 15,04m;

Phía Bắc: Giáp đường hẻm, cạnh dài 16,31 m.

Trị giá thửa đất: 10.383.000.390 đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

Cây trồng trên đất: 01 cây lồng mức trồng năm 2015, trị giá 89.900 đồng; 01 cây ổi trồng năm 2022 trị giá 46.800 đồng; 01 cây gấc trồng năm 2005 trị giá 884.900 đồng; 01 cây bơ trồng năm 2015, trị giá 1.321.000 đồng; 01 cây đu đủ trồng năm 2022, trị giá 102.000 đồng; 03 Cây cau trồng năm 2015, trị giá 110.400 đồng; 01 cây vú sữa, trồng năm 2010, trị giá 884.900 đồng; 02 cây phát tài, trồng năm 2015, trị giá 196.000 đồng.

Công trình xây dựng trên đất: 01 Nhà xây cấp bốn, diện tích 80,2 m<sup>2</sup>, trị giá 131.724.049 đồng; 01 Nhà kho diện tích 9,2 m<sup>2</sup>, trị giá 5.148.320 đồng; Một phần hàng rào phía Nam thửa đất, dài 15,04 m, trị giá 4.566.100 đồng; Một phần hàng rào phía Bắc thửa đất, dài 17,42 m, trị giá 5.165.030 đồng; Một phần sân xi măng, diện tích 25 m<sup>2</sup>, trị giá 2.612.500 đồng.

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 152.852.000 đồng.

Ông Nguyễn Minh K có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền chênh lệch so với giá trị kỹ phần thừa kế được nhận là 1.234.675.377 đồng (Trong đó: Giá trị công sức đóng góp, quản lý, tôn tạo làm tăng giá trị tài sản là

1.097.733.377 đồng; Chi phí mai táng, bốc mộ là 83.900.000 đồng; Giá trị tài sản trên đất là 53.042.000 đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được chia nêu trên và thực hiện các nghĩa vụ khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, bà Nguyễn Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm số 158/2024/DS-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:** Về tố tụng, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2024/DS-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn, đề nghị cấp phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án với lý do: Xác định ông K1 là con của ông K là không có căn cứ. Ông K1 được hưởng di sản, được chia bằng hiện vật là không có căn cứ. Không tính công sức đóng góp của ông T1, con trai bà T. Cấp sơ thẩm phân chia giá trị tài sản không đúng. Hội đồng xét xử, thấy:

#### **2.1. Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Minh K1:**

*Về việc xác định di sản thừa kế:* Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 575209 mang tên hộ Nguyễn Thị T được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày

20/6/2013 đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 17, diện tích 943m<sup>2</sup>, tọa lạc tại phường E, thành phố B. Qua biên bản xác minh nguồn gốc đất của bà Nguyễn Thị T xác định “Năm 1985 Hợp tác xã Nông nghiệp A lê A cấp cho ông Ya Đl lô đất nông nghiệp đến tháng 5 năm 1993 ông Ya Đl sang nhượng toàn bộ diện tích đất cho ông Nguyễn Minh K1, đến tháng 7 năm 1993 ông K1 làm nhà ở và sử dụng cho đến nay. Tháng 5 năm 1993 ông K1 nhận chuyển nhượng thêm 1 phần diện tích đất của ông Nguyễn Ngọc L, việc chuyển nhượng chỉ thỏa thuận miệng không có giấy tờ. Hộ bà T sử dụng ổn định cho đến nay”.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T cho rằng bà T dùng tiền riêng của bà T là do bà T làm thuê làm mướn có được để mua lô đất. Tuy nhiên, căn cứ vào xác minh tại chính quyền địa phương, bà T và ông K1 chung sống với nhau từ năm 1992 đến 1996 ông K1 chết. Ông K1 mua đất từ năm 1993 và bà T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa đất đó là tài sản riêng của bà T trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông K1. Do đó, có căn cứ xác định tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 17, diện tích 943 m<sup>2</sup> đứng tên hộ Nguyễn Thị T là tài sản chung của ông Nguyễn Minh K1 và bà Nguyễn Thị T. Ngày 29 tháng 9 năm 1996, ông K1 chết không để lại di chúc nên ½ quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 17, diện tích 943 m<sup>2</sup> đứng tên hộ Nguyễn Thị T là di sản thừa kế do ông K1 để lại sẽ được chia thừa kế theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ Điều 612, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì di sản thừa kế do ông K1 để lại là ½ quyền sử dụng đất nêu trên trị giá: 13.844.000.520 đồng: 2 = 6.922.000.260 nên cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ.

Đối với tài sản trên đất bao gồm công trình xây dựng và cây trồng trên đất có giá trị: 205.894.000đ (Hai trăm lẻ năm triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Nguyên đơn ông K xác định là tài sản riêng của bà T và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cấp sơ thẩm không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp.

*Về việc xác định hàng thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Minh K1:*

Cha của ông Nguyễn Minh K1 là ông Nguyễn Văn B (Sinh năm 1915, mất năm 1989); mẹ của ông Nguyễn Minh K1 là bà Nguyễn Thị B1 (Sinh năm 1914, mất năm 1989).

Căn cứ vào Giấy khai tử của ông Nguyễn Minh K1 mất ngày 29/9/1996 và Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 56/1981/HNGĐ ngày 28/5/1981 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; Giấy khai sinh của ông Nguyễn Minh K sinh ngày 12/4/1978, xác định ông Nguyễn Minh K là con của ông Nguyễn Minh K1, bà Nguyễn Thị T3. Ngoài ra, ông K không còn có con chung nào khác.

Căn cứ vào Biên bản xác minh tại chính quyền địa phương xác định ông Nguyễn Minh K1 và bà Nguyễn Thị Thủy C sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống

giữa ông K1 và bà T không có con chung. Ngoài ra, bà T không có đăng ký kết hôn với ai.

Do đó căn cứ điểm b khoản 1 Mục II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP, ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết một số loại tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình: “*Trường hợp nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003; do đó cho đến trước ngày 01/01/2003 mà có một bên vợ hoặc chồng chết trước thì bên chồng hoặc vợ còn sống được hưởng di sản của bên chết để lại theo quy định của pháp luật về thừa kế...*”. Nguyên đơn ông K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà T có quan hệ hôn nhân hợp pháp với người khác. Vì vậy, bà T và ông K1 có quan hệ hôn nhân. Do đó bà T được hưởng di sản của ông K1 để lại là có căn cứ.

Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất theo quy định pháp luật của ông Nguyễn Minh K1 bao gồm: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh K là phù hợp với Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

## **2.2. Bị đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các chi phí có liên quan đến ông K1 sau khi ông K1 chết, bao gồm:**

1. Chi phí mai táng: Khi ông Nguyễn Minh K1 qua đời, thì bà T đã thanh toán các chi phí liên quan đến việc mai táng là 01 Cây vàng 9999. Hiện tại, do thời gian trôi qua đã lâu nên bà T không còn lưu giữ các chứng từ liên quan.

2. Chi phí bốc mộ: Sau khi ông K1 qua đời thì được chôn cất tại nghĩa trang phường E Đến năm 2019 thì bà T tiến hành thuê người bốc mộ đưa về quê, với chi phí hết 7.000.000 đồng.

Theo bà Nguyễn Thị T trình bày: Sau khi ông K1 mất thì bà T là người trực tiếp lo mai táng cho ông K1, chi phí mai táng hết 01 cây vàng 9999 (giá trị tại thời điểm xét xử 09/8/2024 là 76.900.000 đồng). Sau đó, bà T tiến hành bốc mộ cho ông K1 hết 7.000.000 đồng. Tổng cộng các chi phí là 83.900.000 đồng, bà T đề nghị Tòa án giải quyết liên quan các chi phí nói trên theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi của bà T. Quá trình giải quyết vụ án, tuy bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh các chi phí liên quan đến mai táng và bốc mộ nhưng ông K đồng ý khấu trừ từ di sản thừa kế cho bà T và đã được cấp sơ thẩm xem xét khấu trừ số tiền 83.900.000 đồng vào giá trị di sản thừa kế. Xác định giá trị di sản thừa kế còn lại dùng để chia thừa kế bằng: 6.922.000.260 đồng - 83.900.000 đồng = 6.838.100.260 đồng là phù hợp.

## **2.3. Xét về công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế:**

Sau khi ông Nguyễn Minh K1 mất ngày 29/9/1996 thì bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp quản lý di sản từ năm 1996 đến nay. Vì vậy, cần xác định công sức chăm sóc, quản lý, tôn tạo thừa đất cho bà Nguyễn Thị T là 01 kỹ phần thừa



kế là phù hợp với Án lệ số 05/2016/AL 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

**Khái quát nội dung án lệ:** *Trong vụ án tranh chấp di sản thừa kế, có đương sự thuộc diện được hưởng một phần di sản thừa kế và có công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế nhưng không đồng ý việc chia thừa kế (vì cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện về thừa kế), không có yêu cầu cụ thể về việc xem xét công sức đóng góp của họ vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế; nếu Tòa án quyết định việc chia thừa kế cho các thừa kế thì phải xem xét về công sức đóng góp của họ vì yêu cầu không chia thừa kế đối với di sản thừa kế lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức”.*

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Minh K xác định toàn bộ tài sản là công trình xây dựng và cây trồng trên đất là do bà Nguyễn Thị T tạo lập. Do đó, ông Nguyễn Minh K phải thanh toán lại giá trị tài sản trên đất tương ứng với phần hiện vật mà mình được nhận cho bà Nguyễn Thị T.

#### **2.4. Về phân chia di sản thừa kế:**

Giá trị tài sản thừa kế là  $\frac{1}{2}$  giá trị của lô đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 17 là 13.844.000.520 đồng: 2 = 6.922.000.260 đồng.

Khấu trừ chi phí mai táng, bốc mộ: 83.900.000 đồng

Như vậy, giá trị tài sản được dùng để chia thừa kế là 6.838.100.260 đồng;

Công sức chăm sóc, quản lý, tôn tạo thửa đất của bà T = 1 kỳ phân thừa kế = 6.838.100.260 đồng: 3 = 2.279.000.000 đồng.

Đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 17, diện tích 943m<sup>2</sup> tọa lạc tại phường E, thành phố B: Bà Nguyễn Thị T được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất; Còn  $\frac{1}{2}$  giá trị quyền sử dụng đất thuộc di sản của ông Nguyễn Minh K1, được chia cho bà T và ông K được hưởng, mỗi người một kỳ phân thừa kế bằng nhau. Ông K có nguyện vọng được nhận di sản là đất. Kỳ phân thừa kế ông K được nhận là  $\frac{1}{2}$  trong phần di sản của ông K1 để lại. Bà T được nhận  $\frac{1}{2}$  trong phần di sản của ông K1 để lại. Theo Trích đo địa chính thửa đất của Công ty TNHH Đ2, xác định tổng diện tích thửa đất là 1.024,4 m<sup>2</sup>.

Theo kết quả đo vẽ của Công ty TNHH Đ2 thể hiện, diện tích đất thực tế sau khi tiến hành đo đạc là 1.024,4 m<sup>2</sup>. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất với kết quả đo vẽ và không có ý kiến gì. Việc phân chia bằng hiện vật dựa trên kết quả xác minh thửa đất số 38, tờ bản đồ số 17, diện tích 943 m<sup>2</sup>, theo Giấy quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 575209 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 20/6/2013 đứng tên Hộ bà Nguyễn Thị T (Diện tích đất thực tế theo kết quả đo đạc là 1.024,4 m<sup>2</sup>). Theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND, ngày 21/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc ban hành quy định

hạn mức một số loại đất; kích thước, diện tích đất tối thiểu được phép tách thửa cho hộ gia đình, cá nhân; việc rà soát, công bố khai thác các thửa đất nhỏ hẹp do nhà nước trực tiếp quản lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Nên được chia theo hiện vật, cụ thể như sau:

**Ông Nguyễn Minh K được quyền quản lý, sở hữu:**

01 lô đất có diện tích 256,1 m<sup>2</sup> (Trong đó: 75 m<sup>2</sup> đất ở đô thị, trị giá 2.007.075.000 đồng và 181,1 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, trị giá 1.453.925.130 đồng) theo Trích đo địa chính thửa đất của Công ty TNHH Đ2 ngày 19/4/2022, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp Phần đất còn lại của thửa đất số 38, tờ bản đồ số 17, cạnh dài 5,94m + 38,61 m;

Phía Tây: Giáp thửa đất số 93, 92, tờ bản đồ số 17, cạnh dài 0,33 m + 4,53m + 17,81 m + 17,38 m;

Phía Nam: Giáp đường đi, cạnh dài 2,68 m + 3,62 m;

Phía Bắc: Giáp đường hẻm, cạnh dài 6,59 m.

Trị giá thửa đất: 3.461.000.130 đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

Cây trồng trên đất: 09 cây lồng mức trồng năm 2015, trị giá 819.100 đồng; 01 cây dừa trồng năm 2020 trị giá 626.200 đồng; 01 cây đào tiên trồng năm 2015 trị giá 1.428.000 đồng;

Công trình xây dựng trên đất: Một phần hàng rào phía Tây thửa đất, dài 44,55 m, trị giá 13.209.075 đồng; Một phần hàng rào phía Bắc thửa đất, dài 6,59 m, trị giá 1.953.935 đồng; Một phần hàng rào phía Nam thửa đất, dài 3,8 m, trị giá 1.126.700 đồng; Cổng sắt 4,5 m<sup>2</sup>, trị giá 1.890.000 đồng; 01 Giếng đào, trị giá 27.707.625 đồng; Sân xi măng diện tích 31,5 m<sup>2</sup>, trị giá 3.291.750 đồng.

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 53.042.000 đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất mà ông Nguyễn Minh K được nhận là 3.514.042.130 đồng.

**Bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý, sở hữu:**

01 lô đất có diện tích 768,3 m<sup>2</sup> (Trong đó: 225m<sup>2</sup> đất ở đô thị, trị giá 6.021.225.000 đồng và 543,3 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, trị giá 4.361.775.390 đồng) theo Trích đo địa chính thửa đất của Công ty TNHH Đ2 ngày 19/4/2022, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp thửa đất số 73, tờ bản đồ số 17, cạnh dài 6,38 m + 7,55 m + 13,9 m; giáp thửa đất số 35, tờ bản đồ số 17, cạnh dài 25,18 m;

Phía Tây: Giáp Phần đất còn lại của thửa đất số 38, tờ bản đồ số 17, cạnh dài 5,94m + 38,61 m;

Phía Nam: Giáp đường đi, cạnh dài 15,04m;

Phía Bắc: Giáp đường hẻm, cạnh dài 16,31 m.

Trị giá thửa đất: 10.383.000.390 đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

Cây trồng trên đất: 01 cây lòng mức trồng năm 2015, trị giá 89.900 đồng; 01 cây ổi trồng năm 2022 trị giá 46.800 đồng; 01 cây gấc trồng năm 2005 trị giá 884.900 đồng; 01 cây bơ trồng năm 2015, trị giá 1.321.000 đồng; 01 cây đu đủ trồng năm 2022, trị giá 102.000 đồng; 03 Cây cau trồng năm 2015, trị giá 110.400 đồng; 01 cây vú sữa, trồng năm 2010, trị giá 884.900 đồng; 02 cây phát tài, trồng năm 2015, trị giá 196.000 đồng.

Công trình xây dựng trên đất: 01 Nhà xây cấp bốn, diện tích 80,2 m<sup>2</sup>, trị giá 131.724.049 đồng; 01 Nhà kho diện tích 9,2 m<sup>2</sup>, trị giá 5.148.320 đồng; Một phần hàng rào phía Nam thửa đất, dài 15,04 m, trị giá 4.566.100 đồng; Một phần hàng rào phía Bắc thửa đất, dài 17,42 m, trị giá 5.165.030 đồng; Một phần sân xi măng, diện tích 25 m<sup>2</sup>, trị giá 2.612.500 đồng.

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 152.852.000 đồng.

Ông Nguyễn Minh K có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền chênh lệch so với giá trị kê phần thừa kế được nhận là 3.514.042.130 đồng - 2.279.366.753 đồng = 1.234.675.377 đồng (Trong đó: Giá trị công sức đóng góp, quản lý, tôn tạo làm tăng giá trị tài sản là 1.097.733.377 đồng; Chi phí mai táng, bốc mộ là 83.900.000 đồng; Giá trị tài sản trên đất là 53.042.000 đồng).

Từ những phân tích và nhận định trên; nhận thấy Bản án sơ thẩm đã xác định di sản thừa kế, hàng thừa kế, phân chia di sản thừa kế và đã tính công sức đóng góp của bà T bằng một kỷ phần thừa kế, không phân chia giá trị tài sản trên đất là đúng quy định của pháp luật nên kháng cáo của bà Nguyễn Thị T là không có căn cứ chấp nhận mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng:

Các đương sự phải chịu 42.450.000 đồng tiền chi phí thẩm định, đo vẽ và thẩm định giá tài sản tương ứng với phần di sản thừa kế mà mình được nhận, chia cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 31.832.761 đồng; ông Nguyễn Minh K phải chịu 10.617.239 đồng. Nguyên đơn ông Nguyễn Minh K đã nộp và chi phí hết. Do đó bà Nguyễn Thị T phải trả lại cho ông K số tiền: 31.832.761 đồng.

[5] Về án phí:

5.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Minh K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản được hưởng và giá trị thanh toán lại cho bà T là 3.514.042.130 đồng. Cụ thể: 72.000.000 đồng + 2% (3.514.042.130 đồng - 2.000.000.000 đồng) = 102.280.843 đồng. Số tiền này được khấu trừ vào 34.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0013168, ngày 23/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Ông Nguyễn

Minh K còn phải nộp số tiền là 67.480.843đ (Sáu mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, tám trăm bốn mươi ba đồng).

Bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản được hưởng là 10.535.852.390 đồng. Cụ thể:  $112.000.000 \text{ đồng} + 0,1\% (10.535.852.390 \text{ đồng} - 4.000.000.000 \text{ đồng}) = 118.535.852 \text{ đồng}$ .

5.1 Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 158/2024/DS-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ khoản 2, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 609, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 658, 660 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP, ngày 16/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết một số loại tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh K.

#### **1. Về phân chia tài sản chung:**

Tài sản chung của ông Nguyễn Minh K1 và bà Nguyễn Thị T là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 17, diện tích 943 m<sup>2</sup>; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và sản phẩm gắn liền với đất số BN 575209 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 20/6/2013, đứng tên hộ bà Nguyễn Thị T, (diện tích đo đạc thực tế là 1.024,4m<sup>2</sup>).

Chia cho bà Nguyễn Thị T được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị quyền sử dụng đất nói trên là 6.922.000.260 đồng, tương đương diện tích đất là 512,2 m<sup>2</sup>.

Chia cho bà Nguyễn Thị T quyền quản lý, sở hữu diện tích đất là 512,2 m<sup>2</sup>.

#### **2. Về phân chia di sản thừa kế:**

- Công nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Minh K1 để lại gồm:  $\frac{1}{2}$  giá trị đất thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 17, diện tích 943m<sup>2</sup> (diện tích đo đạc thực tế là 1.024,4m<sup>2</sup>), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 575209 được UBND thành phố B cấp ngày 20/6/2013, đất tọa lạc tại phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Trị giá đất là 6.922.000.260đ (*Sáu tỷ, chín trăm hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi đồng*) - tương đương diện tích đất là 512,2 m<sup>2</sup>. Khấu trừ chi phí mai táng, bốc mộ là 83.900.000 đồng. Giá trị đất dùng để chia thừa kế là 6.838.100.260đ (*Sáu tỷ, tám trăm ba mươi tám triệu, một trăm nghìn, hai trăm sáu mươi đồng*).

- Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Minh K1 gồm bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh K.

- Chia cho ông Nguyễn Minh K, bà Nguyễn Thị T mỗi người được quản lý, sở hữu 256,1 m<sup>2</sup> đất.

#### **Cụ thể như sau:**

**Ông Nguyễn Minh K được quyền quản lý, sở hữu:** 01 lô đất có diện tích 256,1 m<sup>2</sup> (Trong đó: 75m<sup>2</sup> đất ở đô thị, trị giá 2.007.075.000 đồng và 181,1 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, trị giá 1.453.925.130 đồng) theo Trích đo địa chính thửa đất của Công ty TNHH Đ2 ngày 19/4/2022, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp Phần đất còn lại của thửa đất số 38, tờ bản đồ số 17, cạnh dài 5,94m + 38,61 m;

Phía Tây: Giáp thửa đất số 93, 92, tờ bản đồ số 17, cạnh dài 0,33 m + 4,53m + 17,81 m + 17,38 m;

Phía Nam: Giáp đường đi, cạnh dài 2,68 m + 3,62 m;

Phía Bắc: Giáp đường hẻm, cạnh dài 6,59 m.

Trị giá thửa đất: 3.461.000.130 đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

Cây trồng trên đất: 09 cây lồng mức trồng năm 2015, trị giá 819.100 đồng; 01 cây dừa trồng năm 2020 trị giá 626.200 đồng; 01 cây đào tiên trồng năm 2015 trị giá 1.428.000 đồng.

Công trình xây dựng trên đất: Một phần hàng rào phía Tây thửa đất, dài 44,55 m, trị giá 13.209.075 đồng; Một phần hàng rào phía Bắc thửa đất, dài 6,59 m, trị giá 1.953.935 đồng; Một phần hàng rào phía Nam thửa đất, dài 3,8 m, trị giá 1.126.700 đồng; Cổng sắt 4,5 m<sup>2</sup>, trị giá 1.890.000 đồng; 01 Giếng đào, trị giá 27.707.625 đồng; Sân xi măng diện tích 31,5 m<sup>2</sup>, trị giá 3.291.750 đồng.

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 53.042.000 đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất mà ông Nguyễn Minh K được nhận là 3.514.042.130 đồng

**Bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý, sở hữu:** 01 lô đất có diện tích 768,3 m<sup>2</sup> (Trong đó: 225m<sup>2</sup> đất ở đô thị, trị giá 6.021.225.000 đồng và 543,3 m<sup>2</sup>

đất trồng cây lâu năm, trị giá 4.361.775.390 đồng) theo Trích đo địa chính thửa đất của Công ty TNHH Đ2 ngày 19/4/2022, có tứ cận như sau:

Phía Đông: Giáp thửa đất số 73, tờ bản đồ số 17, cạnh dài 6,38 m + 7,55 m + 13,9 m; giáp thửa đất số 35, tờ bản đồ số 17, cạnh dài 25,18 m;

Phía Tây: Giáp Phần đất còn lại của thửa đất số 38, tờ bản đồ số 17, cạnh dài 5,94m + 38,61 m;

Phía Nam: Giáp đường đi, cạnh dài 15,04m;

Phía Bắc: Giáp đường hẻm, cạnh dài 16,31 m.

Trị giá thửa đất: 10.383.000.390 đồng.

Tài sản gắn liền với đất:

Cây trồng trên đất: 01 cây lòng mức trồng năm 2015, trị giá 89.900 đồng; 01 cây ổi trồng năm 2022 trị giá 46.800 đồng; 01 cây gấc trồng năm 2005 trị giá 884.900 đồng; 01 cây bơ trồng năm 2015, trị giá 1.321.000 đồng; 01 cây đu đủ trồng năm 2022, trị giá 102.000 đồng; 03 Cây cau trồng năm 2015, trị giá 110.400 đồng; 01 cây vú sữa, trồng năm 2010, trị giá 884.900 đồng; 02 cây phát tài, trồng năm 2015, trị giá 196.000 đồng.

Công trình xây dựng trên đất: 01 Nhà xây cấp bốn, diện tích 80,2 m<sup>2</sup>, trị giá 131.724.049 đồng; 01 Nhà kho diện tích 9,2 m<sup>2</sup>, trị giá 5.148.320 đồng; Một phần hàng rào phía Nam thửa đất, dài 15,04 m, trị giá 4.566.100 đồng; Một phần hàng rào phía Bắc thửa đất, dài 17,42 m, trị giá 5.165.030 đồng; Một phần sân xi măng, diện tích 25 m<sup>2</sup>, trị giá 2.612.500 đồng.

Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 152.852.000 đồng.

Ông Nguyễn Minh K có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền chênh lệch so với giá trị kỹ phân thừa kế được nhận là 1.234.675.377 đồng (Trong đó: Giá trị công sức đóng góp, quản lý, tôn tạo làm tăng giá trị tài sản là 1.097.733.377 đồng; Chi phí mai táng, bốc mộ là 83.900.000 đồng; Giá trị tài sản trên đất là 53.042.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được chia nêu trên và thực hiện các nghĩa vụ khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định, định giá và đo đạc tài sản:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 31.832.761 đồng; ông Nguyễn Minh K phải chịu 10.617.239 đồng. Nguyên đơn ông Nguyễn Minh K đã nộp và chi phí hết. Do đó bà Nguyễn Thị T phải trả lại cho ông K số tiền: 31.832.761 đồng.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Minh K phải chịu 102.280.843 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào 34.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0013168, ngày 23/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Ông Nguyễn Minh K còn phải nộp số tiền là 67.480.843 đồng (*Sáu mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi ngàn, tám trăm bốn mươi ba ngàn đồng*).

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu 118.535.852đ (Một trăm mười tám triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số AA/2023/0013498 ngày 11/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị My My**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN**  
**TÒA**

**Đinh Thị Tuyết      Nguyễn Thị Thu**  
**Trang**

**Nguyễn Thị My My**